

MỤC LỤC ЗМІСТ

LỜI NÓI ĐẦU	11
-------------------	----

ПЕРЕДМОВА	13
-----------------	----

BÀI 1 • KHÁI QUÁT NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT

УРОК 1 • ФОНЕТИКА В'ЄTHAMСЬКОЇ MOBI

Phần 1. Bảng chữ cái và hệ thống nguyên âm, phụ âm, thanh điệu trong tiếng Việt	15
1. Bảng chữ cái	15
2. Nguyên âm	16
3. Phụ âm	17
4. Các thanh điệu trong tiếng Việt	19
5. Phân biệt các thanh điệu	20
6. Cách đánh dấu thanh điệu	23
Phần 2. Thực hành phát âm	24
Phần 3: Bài tập về ngữ âm	29

BÀI 2 • CHÀO HỎI

УРОК 2 • ВІТАННЯ

Phần 1. Bài học	38
I. Từ vựng	38
II. Ngữ pháp	39
1. Đại từ nhân xưng (ĐTNX)	39
2. Từ “ấy”	45
3. Cách chào hỏi và tạm biệt	47
4. Hệ từ “là”	49
5. Cách hỏi tên	49
6. Cách hỏi thăm sức khỏe	55
Phần 2. Bài tập	56
Phần 3. Phát âm	58

BÀI 3 • ANH LÀ NGƯỜI NƯỚC NÀO?

УРОК 3 • З ЯКОЇ ВИ КРАЇНИ?

Phần 1. Bài học	62
I. Từ vựng	62
II. Ngữ pháp	63

1. Số từ	63
2. Các nước trên thế giới	64
3. Anh là người nước nào?	65
4. ... phải không?	67
5. ... là ... phải không?	68
Phần 2. Bài tập	70
Phần 3. Bài đọc: Đất nước Việt Nam	76
Phần 4. Thực hành phát âm	80

BÀI 4 • NGHỀ NGHIỆP

УРОК 4 • ПРОФЕСІЯ

Phần 1. Bài học	82
I. Từ vựng	82
II. Ngữ pháp	85
1. Anh (chị) làm nghề gì?	85
2. Từ “đều; cũng”	88
3. Số từ: 11–19	90
4. Nơi chốn	91
5. Câu hỏi: ... ở đâu?	92
Phần 2: Bài tập	93
Phần 3: Bài đọc	99
Phần 4: Phát âm u, ư	103

BÀI 5 • TUỔI TÁC

УРОК 5 • ВІК

Phần 1. Bài học	104
I. Từ vựng	104
II. Ngữ pháp	105
1. Số từ: 20–100	105
2. Em bao nhiêu tuổi?	107
3. Đại từ nghi vấn “bao nhiêu/mấy”	108
4. Nhóm từ “chỉ / chỉ có / chỉ mới / chỉ mới có / mới chỉ có”	112
5. Cấu trúc câu:	113
... (có) biết + động từ + không?	113
... được không?	113
... không?	114
Phần 2: Bài tập	114
Phần 3. Bài đọc	118
Phần 4. Phát âm	123

BÀI 6 • ĐỒ VẬT VÀ CON VẬT
УРОК 6 • ПРЕДМЕТЫ И ТВАРИНИ

Phần 1. Bài học	124
I. Từ vựng	124
II. Ngữ Pháp	125
1. Số từ: 101–1000	125
2. Loại từ	126
3. Đại từ nghi vấn “gì”: đây là ... gì? / ... gì đây?	127
4. Đại từ chỉ định “đây / kia / đó / đấy”	128
Phần 2. Bài tập	130
Phần 3. Bài đọc	137
Phần 4. Phát âm	142

BÀI 7 • EM CÓ ANH CHỊ EM KHÔNG?
УРОК 7 • У ТЕБЕ Є БРАТИ ЧИ СЕСТРИ?

Phần 1. Bài học	143
I. Từ vựng	143
II. Ngữ Pháp	144
1. Số từ: Từ 1001 – tỷ	144
2. Đại từ sở hữu “... của ai?”	146
3. Cấu trúc câu: có + danh từ / động từ + không?	150
4. Các từ “ôi; thưa”	152
5. Cách phân biệt các từ “vâng, dạ, ạ”	154
Phần 2. Bài tập	155
Phần 3. Bài đọc	158
Phần 4. Phát âm	162

BÀI 8 • ÔN TẬP
УРОК 8 • ПОВТОРЕННЯ

I. Ngữ âm	163
II. Từ vựng	163
III. Ngữ pháp	165
IV. Bài đọc	169
V. Bài viết	170

BÀI 9 • PHÒNG HỌC NÀY THẾ NÀO?
УРОК 9 • ЯКА ЦЯ АУДИТОРІЯ?

Phần 1. Bài học	171
I. Từ vựng	171
II. Ngữ Pháp	173

1. Tính từ chỉ định “này / kia / đó / đây / ấy”	173
2. ... gọi là ... gì?	174
3. ... thế nào?	174
4. ... có + tính từ + không?	177
5. Số thứ tự	178
Phần 2. Bài tập	180
Phần 3. Bài đọc	185
Phần 4. Phát âm	190

BÀI 10 • THỜI GIAN?

УРОК 10 • ЧАС

Phần 1. Bài học	192
I. Từ vựng	192
II. Ngữ pháp	193
1. Cách đọc giờ	193
2. ... có biết, ... không ?	195
3. Bây giờ là mấy giờ?	196
4. ... lúc mấy giờ?	198
5. từ ... đến / tới	200
6. Các thì của động từ: đã, đang, sẽ	201
7. ... đã, đang, sẽ + làm gì? / đi đâu? / ở đâu?	202
Phần 2. Bài tập	205
Phần 3. Bài đọc	209
Phần 4. Phát âm	211

BÀI 11 • NGÀY THÁNG

УРОК 11 • ДНИ I МЕСЯЦІ

Phần 1. Bài học	212
I. Từ vựng	212
II. Ngữ pháp	215
1. Phân biệt từ chỉ thời gian ở các thì	216
2. Hôm nay là thứ mấy?	216
3. Hôm nay là ngày bao nhiêu?	218
4. Tháng này là tháng mấy?	220
1. Khi nào? / Lúc nào? Bao giờ?	225
2. đã ... chưa?	226
3. nhé!	228
Phần 2. Bài tập	229
Phần 3. Bài đọc	234
Phần 4. Phát âm	237

BÀI 12 • CÁC MÙA TRONG NĂM

УРОК 12 • ПОРИ РОКУ

Phần 1. Bài học	238
I. Từ vựng	238
II. Ngữ pháp	240
1. Cách phân chia các mùa	240
2. Phân biệt các giới từ: “lúc”, “vào”	241
3. ... bao lâu? / ... bao lâu rồi? / ... đã lâu chưa? / ... bao lâu nữa?	243
4. ... đã xong chưa? / ... đã ... xong chưa?	244
Phần 2. Bài tập	245
Phần 3. Bài đọc	251
Phần 4. Phát âm	255

BÀI 13 • VỊ TRÍ VÀ MÀU SẮC

УРОК 13 • МІСЦЯ І КОЛЬОРИ

Phần 1. Bài học	256
I. Từ vựng	256
II. Ngữ pháp	262
1. Giới từ chỉ vị trí: trên, dưới, trong, ngoài, giữa	262
2. Giới từ chỉ vị trí + danh từ + có gì?	263
3. Trạng từ chỉ mức độ: rất, quá, lắm, khá, hơi, không / chẳng ... lắm	265
4. Đây là màu gì?	269
5. Màu này thế nào?	271
6. có ... nào không? / có ... nào ... (hay) không?	273
7. tính từ (dài / rộng / cao / nặng...) + bao nhiêu?	275
Phần 2. Bài tập	276
Phần 3. Bài đọc	282
Phần 4. Phát âm	287

BÀI 14 • SO SÁNH

УРОК 14 • ПОРІВНЯННЯ

Phần 1. Bài học	288
I. Từ vựng	288
II. Ngữ pháp	289
1. Các từ so sánh: bằng, không bằng, hơn, nhất	289
2. Cái nào đẹp hơn? Chị thích cái nào hơn?	291
3. Cái nào đẹp nhất? Chị thích cái nào nhất?	293
4. Giống nhau; khác nhau	293
Phần 2. Bài tập	295
Phần 3. Bài đọc	301
Phần 4. Phát âm	304

BÀI 15 • BÀI ÔN

УРОК 15 • ПОВТОРЕНИЯ

I. Ngữ âm	305
II. Từ vựng	306
III. Ngữ pháp	308
IV. Đọc	312
V. Viết	312
BẢNG TỪ VỰNG	314
SÁCH THAM KHẢO	353

LỜI NÓI ĐẦU

Trước kia việc học tiếng Việt còn chưa được phổ biến nên sách giáo khoa, giáo trình tiếng Việt còn hãn hữu. Trên thị trường chỉ có rất ít sách tiếng Việt được phát hành. Nhưng trong những năm gần đây, khi Việt Nam mở cửa, hội nhập với thế giới thì tiếng Việt bắt đầu được phổ biến rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Ucraina – một đất nước hoàn toàn còn xa lạ, mới mẻ với ngôn ngữ tiếng Việt, giờ cũng đã có những trung tâm dạy tiếng Việt. Hiện nay sách, giáo trình dạy và học tiếng Việt đã được nhiều giáo sư, tiến sĩ, nhà ngôn ngữ và giảng viên ở các viện, các trường đại học biên soạn rất phong phú, đầy sắc thái ngôn ngữ nhằm đáp ứng cho những người có nhu cầu mong muốn học tiếng Việt và yêu thích tiếng Việt như: Sách Tiếng Việt do GS.TS Đoàn Thiện Thuật (Chủ biên) cùng tập thể các nhà biên soạn khác của Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội; Sách Bài đọc tiếng Việt nâng cao dành cho người nước ngoài do Hwang Gwi Yeon – Trịnh Cẩm Lan – Nguyễn Khánh Hà biên soạn; Sách Tiếng Việt 123 do tập thể giáo viên 123VIETNAMESE biên soạn; Sách Tiếng Việt cơ sở do Tiến sĩ Nguyễn Việt Hương biên soạn và nhiều giáo trình học tiếng Việt khác nữa...

Một số sách giáo khoa, giáo trình Tiếng Việt, đặc biệt là Sách Tiếng Việt của Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển; sách Tiếng Việt cơ sở của Tiến sĩ Nguyễn Việt Hương hiện đang được dùng làm giáo cụ giảng dạy ở Bộ môn Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ trường Đại học tổng hợp Quốc gia Kiev mang tên Tarac Shevchenko, Ucraina. Trong 6 năm qua Bộ môn tiếng Việt đã sử dụng những giáo trình này để phục vụ cho việc giảng dạy và đã mang lại khá thành công và có hiệu quả. Nhưng do việc đưa sách từ Việt Nam sang Ucraina là cả một vấn đề khó khăn vì khoảng cách không gian địa lý giữa hai nước, với lại do đặc thù ngôn ngữ của mỗi nước có nhiều điểm chưa tương đồng và các bài học chưa đủ đáp ứng theo chương trình ở trường nên đã thôi thúc tôi quyết tâm thực hiện biên soạn bộ sách giáo trình Tiếng Việt này. Và để cho việc giảng dạy tiếng Việt trở nên hấp dẫn, phong phú hơn, trong giáo trình tôi có lựa chọn một số dữ liệu, hình ảnh lấy từ các phương tiện thông tin đại chúng. Xin các bạn cho phép tôi được sử dụng làm tài liệu minh họa để phục vụ cho công tác giảng dạy. Chân thành cảm ơn các bạn.

Cuốn sách này được biên soạn theo từng chủ đề cụ thể. Tất cả là 12 chủ đề. Mỗi chủ đề được chia làm 5 phần với bố cục như sau:

Phần I: Từ vựng

Phần II: Ngữ pháp, bao gồm:

- Các cấu trúc câu
- Luyện tập
- Hội thoại

Phần III: Bài tập

Phần IV: Bài đọc

Phần V: Phát âm

Ngoài các chủ đề ra, bài đầu tiên để làm quen với tiếng Việt thì không thể thiếu phần lý thuyết ngữ âm – đó là một hệ thống bao gồm bảng chữ cái, cách ghép vần, cách phát âm với mục đích sao cho sau khi học xong bài này người học có thể phát âm tốt, nghe, đọc và viết từ được. Để kiểm tra trình độ kiến thức của người học sau một học kỳ sẽ có bài ôn tập. Người học lại một lần nữa được trau dồi nhuần nhuyễn để kiến thức thêm vững.

Trên đây là sơ lược về cơ cấu cuốn sách. Tôi muốn người học được rèn luyện đầy đủ các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết. Phần từ vựng tôi liệt kê các từ theo chủ đề để người học có thêm vốn từ. Phần ngữ pháp tôi trình bày các cấu trúc câu với các công thức dễ hiểu để sinh viên có thể vận dụng chúng một cách dễ dàng. Mỗi cấu trúc câu thường có nhiều ví dụ đi kèm. Sau đó, dựa vào cấu trúc và ví dụ mẫu sinh viên có thể đưa ra ví dụ của mình. Phần bài tập tôi soạn 10 – 15 bài theo tiêu chí “Càng làm nhiều càng nâng cao các kỹ năng”. Về phần bài đọc tôi viết những bài mà chủ yếu liên quan đến chủ đề. Câu ngắn gọn, đơn giản, gần gũi với cuộc sống đời thường, chủ yếu là phù hợp với kiến thức ở lứa tuổi các em và đặc biệt là có thể chuyển tải ngay sang tiếng mẹ đẻ một cách dễ dàng. Song song với các bài đọc đó tôi có bổ sung thêm vào phần đọc các bài thơ và các bài hát theo từng chủ đề để các em luyện nghe, luyện đọc, biết thêm được nhiều từ mới và làm quen với kiểu văn phong “thi ca nhạc họa” của Việt Nam cho thêm phần phong phú, sinh động, tăng thêm sự hưng phấn trong giờ học. Hơn nữa khi đọc thơ hay nghe hát các em cũng dễ thuộc lời và nhớ từ hơn. Còn về phần phát âm, tôi liệt kê các từ có sử dụng các nguyên âm cần phát âm trong mỗi bài học theo thứ tự bảng chữ cái. Qua đó, các em sẽ luôn nhớ được mặt chữ, thứ tự các chữ cái, nguyên âm nào có thể kết hợp với phụ âm nào và cách phát âm chúng thế nào cho đúng.

Tuy đã nhiều năm liên tục tiếp tham gia giảng dạy tiếng Việt cho các sinh viên nước ngoài, nhưng đây là lần đầu tiên tôi biên soạn bộ sách Tiếng Việt này nên việc sai sót là điều không thể tránh khỏi. Vì thế tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các đồng nghiệp và bạn đọc, chỉ cho những thiếu sót để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn. Tôi xin chân thành cảm ơn.

Qua đây, tôi cũng xin được cảm ơn các đồng nghiệp của tôi là Tiến sĩ Ngôn ngữ học Мусийчук В.А và Thạc sĩ Сапожник Ю.І. đã nhiệt tình giúp tôi thực hiện một phần hình ảnh minh họa và dịch thuật các từ, các phần giải thích Ngữ pháp sang tiếng mẹ đẻ để giúp người học hiểu rõ hơn, nắm bắt vấn đề nhanh hơn. Xin cảm ơn Nhiếp ảnh gia Nguyễn Đắc Dậu. Đây cũng là một đóng góp không nhỏ để cuốn sách thành công.

Một lần nữa xin chân thành cảm tạ tất cả những người đã giúp tôi hoàn thành cuốn giáo trình này.

ThS Ngôn ngữ HÀ THỊ VÂN ANH

ПЕРЕДМОВА

Вивчення в'єтнамської мови раніше не було надто поширеним, тому підручників і посібників із в'єтнамської мови було небагато. Але останнім часом, коли В'єтнам провадить політику відкритості та інтеграції у світову спільноту, в'єтнамську мову стали вивчати в багатьох країнах, серед них і Україна. У В'єтнамі з'явились багато підручників і посібників для навчання в'єтнамської мови, виданих різними університетами, мовними центрами. Це такі підручники, як «В'єтнамська моваСпід редакцією проф. Доан Тхієн Тхуата, що видано Інститутом в'єтнамістики та розвитку науки при Ханойському національному університеті; «Тексти для читання для іноземних студентів просунутого рівня навчання» колективу авторів Хванг Гві Єон, Чінь Кам Лан, Нгуєн Кхань Ха; підручник «В'єтнамська мова 123», виданий мовним центром «123VIETNAMESE»; «Основи в'єтнамської мови» Нгуєн В'єт Хионг та багато інших підручників, які адресовані тим, хто хоче вивчати і любить в'єтнамську мову.

Деякі підручники, зокрема «В'єтнамська мова» за редакцією Доан Тхієн Тхуата та «Основи в'єтнамської мови» Нгуєн В'єт Хионг, нині використовуються як навчальні посібники для студентів-в'єтнамістів кафедри мов і літератур Далекого Сходу та Південно-Східної Азії Інституту філології Київського національного університету імені Тараса Шевченка. За шість років викладання в'єтнамської мови в цьому навчальному закладі використання згаданих підручників дало свої позитивні результати. Однак географічна віддаленість В'єтнаму та України, а також значні мовні відмінності, які не враховуються у в'єтнамських виданнях, наштовхнули автора на ідею створення цього підручника. Для того, щоб зробити навчання більш захопливим і різноманітним, у підручнику використані певні оригінальні матеріали в'єтнамською мовою із засобів масової інформації, а також зображення, що є у вільному доступі в мережі інтернет. Прошу дозволу на використання цих матеріалів як ілюстрацій для навчальних цілей та щиро дякую всім авторам цих матеріалів.

Книга побудована за тематичним принципом. Усього в ній представлено 12 тем. Кожна тема складається із п'яти частин:

- Лексика
- Граматика, що містить:
 - Структури речень
 - Тренувальні вправи
 - Діалоги
- Вправи
- Текст для читання
- Фонетика

Винятковим за структурою є перший розділ, присвячений теоретичній та практичній фонетиці, орфографії. У ньому представлені в'єтнамський алфавіт, способи поєднання літер, пояснена вимова, так таким чином щоб студенти після опанування цього уроку могли добре вимовляти, чути, читати та писати в'єтнамські слова.

Для перевірки знань студентів наприкінці семестру у книзі подано два розділи повторення, у яких закріплюється пройдений матеріал.

Така структура підручника забезпечує тренування усіх навичок навчання мови: аудіювання, говоріння, читання та письмо. У частині лексики кожного уроку наведено слова за темою, щоб розширити словниковий запас студентів. У граматичній частині представлено основні граматичні конструкції речень та формули для легкого запам'ятовування і використання. До кожної конструкції надано багато прикладів. У кожному уроці дається 10–15 вправ за принципом «чим більше вправ, тим краще засвоюються навички». Текстова частина зазвичай пов'язана з темою уроку. Речення у текстах прості, короткі, близькі до життя і відповідають віку студентів, а також можуть бути швидко перекладені рідною мовою. Поруч із навчальними текстами до уроків також додано поезії, пісні, завдяки яким студенти практикують вимову, дізнаються та легко запам'ятовують нові слова, знайомляться з в'єтнамським поетичним і пісенним стилем, що робить навчання цікавішим та різноманітнішим. У фонетичній частині кожного уроку подано слова для тренування вимови, згруповані за алфавітом. Таким чином студенти не лише тренують вимову, а й повторюють алфавіт і порядок поєднання приголосних із голосними у слові.

Незважаючи на те, що в мене великий досвід викладання в'єтнамської мови для іноземців, це видання є першою спробою укладання підручника, а отже, не уникнути певних недоліків. Тому я сподіваються отримати відгуки колег і читачів, щоб у подальшому вдосконалити підручник. Заздалегідь вдячна.

Також висловлюю щире подяку своїм колегам канд. філол. наук В.А. Мусійчук і маг. Ю.І. Сапожник за допомогу з ілюстративним матеріалом і перекладом українською мовою лексики та граматичних коментарів, що сприятиме кращому розумінню студентами. Дякую фотографу Нгуєну Даку Зау. Це також чималий внесок в успіх пропонованої книги.

Хочу ще раз подякувати всім, хто допомагав мені в роботі над цим підручником.

Магістр філології ХА ТХІ ВАН АНЬ

BÀI 1 • KHÁI QUÁT NGŨ ÂM TIẾNG VIỆT

УРОК 1 • ФОНЕТИКА В'ЄТНАМСЬКОЇ МОВИ

Phần 1. Bảng chữ cái và hệ thống nguyên âm, phụ âm, thanh điệu trong tiếng Việt. Частина 1. Алфавіт, система голосних і приголосних звуків та тонів В'єтнамської мови.

1. Bảng chữ cái tiếng Việt. В'єтнамський алфавіт.
2. Nguyên âm. Голосні звуки.
3. Phụ âm. Приголосні звуки.
4. Các thanh điệu trong tiếng Việt. Тони В'єтнамської мови.
5. Phân biệt các thanh điệu. Розрізнення тонів.
6. Cách đánh dấu thanh điệu. Позначення тонів.

Phần 2. Thực hành phát âm. Частина 2. Практика вимови.

1. Các nguyên âm đứng trước phụ âm. Голосні перед приголосними.
2. Các nguyên âm đứng sau phụ âm. Голосні після приголосних.

Phần 3. Bài tập về ngữ âm. Частина 3. Вправи на фонетику.

Phần 1. Bảng chữ cái và hệ thống nguyên âm, phụ âm, thanh điệu trong tiếng Việt

Частина 1. Алфавіт, система голосних і приголосних звуків та тонів В'єтнамської мови

1. Bảng chữ cái В'єтнамський алфавіт

Bảng chữ cái tiếng Việt



Tiếng Việt có 29 chữ cái. Đó là:
У в'єтнамській мові 29 літер. Це:

A a, Ă ă, Â â, B b, C c, D d, Đ đ, E e, Ê ê, G g, H h,
I i, K k, L l, M m, N n, O o, Ô ô, Ơ ơ, P p, Q q,
R r, S s, T t, U u, Ư ư, V v, X x, Y y

Theo truyền thống, tên các chữ cái được đọc là:
За традицією літери мають таке прочитання:

a, á, ó, bê, xê, dê, đê, e, ê, giê, hát, i, ca, el-lờ, em-mờ, en-nờ,
o, ô, ơ, pê, quy, e-rờ, ét-sì, tê, u, ư, vê, ích-xì, i dài

Lưu ý: Cần phân biệt chữ và âm, ví dụ như các chữ cái b, c, t, đọc là “bê”, “xê”, “tê” nhưng phát âm các phụ âm này là “bờ”, “cờ”, “tờ”

Увага! Необхідно розрізняти літери та звуки, наприклад, літери b, c, t читаються “bê”, “xê”, “tê”, однак, називаючи відповідні звуки, говоримо “bờ”, “cờ”, “tờ”.

2. Nguyên âm Голосні

a. Nguyên âm đơn:

Монофтонги:

Trong tiếng Việt về mặt chữ viết có 12 nguyên âm đơn, đó là:

a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.

У в'єтнамській мові є 12 літер, що позначають голосні звуки:

a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.

Fonetично це 11 голосних-монофтонгів:

Về mặt ngữ âm có 11 nguyên âm đơn, đó là:

a, ă, â, e, ê, i/y, o, ô, ơ, u, ư

b. Nguyên âm đôi:

Дифтонги:

Có 7 nguyên âm đôi, còn gọi là nhị trùng âm, được hình thành từ các nguyên âm đơn bao gồm: **ia, ye, iê, ua, uô, ưa, ươ**. Ngoài ra còn có các nguyên âm đôi khác cũng được hình thành từ hai nguyên âm đơn như:

Поза тим, є й інші сполучення двох голосних у складі, такі як:

- **ai, ao, au, âu, ay, ây** (tai, tao, tàu, câu, bay, bấy)
- **eo, êu** (theo, thêu)
- **ia, iê, iu** (tia, tiên, điu hiu)